

Bản án số: 53/2020/HSST

Ngày: 10/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành, Giáo viên nghỉ hưu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu, Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/HSST ngày 06/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 28/02/2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Đức T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 8 năm 1985; nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề ngh: Lao động tự do; học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Đ, đã ly hôn; có 01 con; tiền án; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Dương Thanh T1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 6 năm 1980; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề ngh: Lao động tự do; học vấn: 3/12; con ông Dương Xuân T và bà Tô Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị K; có 02 con chung với chị Kiều và có 03 con chung với chị Quan Thị Hoạt; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 24/2006/HSST ngày 28/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt Dương Thanh T1 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đặng Xuân H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 01 năm 2001; nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ,

tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 11/12; con ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Hà Thị L; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 19 tháng 7 năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; con ông Hà Văn Th và bà Đinh Thị X; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Thị Minh T2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 27 tháng 7 năm 2002 (tính đến ngày phạm tội được 17 tuổi 04 tháng 04 ngày); nơi đăng ký HKTT: Xóm 3, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán Chí; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 11/12; con ông Trần Văn C và bà Nông Thị L; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo:

Ông Trần Văn C và bà N, bố mẹ đẻ bị cáo, có mặt

Địa chỉ: Xóm 3, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Công Quang, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 10 phút ngày 01/12/2019, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra tại cơ sở kinh doanh nhà nghỉ, karaoke X thuộc tổ 18, phường T, thành phố Thái Nguyên, phát hiện tại phòng 206 của nhà nghỉ có 05 đối tượng gồm: Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2.

Phạm Đức T khai nhận có cất giấu ma túy tổng hợp dưới chân giường ngủ trong phòng 206. Tổ công tác kiểm tra tại vị trí T khai, phát hiện thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 viên nén màu tím, T và các đối tượng khai là ma túy tổng hợp do 05 người góp tiền mua. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 1494/KL-KTHS ngày 06/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên xác định mẫu viên nén gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng thu giữ ban đầu là 1,38 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 khai: Ngày 30/11/2019, T, T1, H, L và Minh T2 rủ nhau đi chơi tại đảo hoa Hồ Núi Cốc. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T và Dương Thanh T1 rủ H, L, Trần Thị Minh T2 góp tiền mua ma túy tổng hợp về cùng sử dụng, tất cả đồng ý, đưa tiền cho Phạm Đức T để T đi mua ma túy. Dương Thanh T1 và T mỗi người góp 300.000 đồng, H, L và Trần Thị Minh T2 mỗi người góp 150.000 đồng được 1.050.000 đồng. T cầm tiền, một mình đi tới khu vực gần quán karaoke H 555, thuộc xóm Đ, xã P, thành phố Thái Nguyên để mua ma túy. T gặp và mua của 01 nam thanh niên không quen biết 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 03 viên ma túy MDMA với giá 1.050.000 đồng. T cất số ma túy vừa mua được vào túi quần đang mặc rồi quay lại nói với T1, H, L và Trần Thị Minh T2 là đã mua được ma túy. Sau đó, 5 bị cáo rủ nhau đi ăn đêm, rồi đi taxi tới nhà nghỉ, karaoke X, thuộc tổ 18, phường T, thành phố Thái Nguyên để cùng nhau sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 01/12/2019, Dương Thanh T1 đứng ra thuê phòng 206 của nhà nghỉ, đến khoảng 01 giờ 10 phút cùng ngày, khi 05 bị cáo đang ở trong phòng 206, chưa kịp sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an yêu cầu kiểm tra. T đã giấu túi nilon bên trong có 03 viên ma túy vào chân giường ngủ trong phòng, thì bị phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 bì niêm phong ký hiệu T3, T4 bên trong chứa ma túy;
- 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, thu giữ của Phạm Đức T;
- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động OPPO màu vàng, đã qua sử dụng, thu giữ của Dương Thanh T1;
- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, thu giữ của Đặng Xuân H;
- 01 điện thoại di động IPHONE vỏ màu hồng, đã qua sử dụng, thu giữ của Hà Thị L;
- 01 túi xách giả da màu đen, 400.000 đồng thu giữ của Trần Thị Minh T2.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSTPTN ngày 06/02/2020, VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên bản cáo trạng số 53/CT-VKSTPTN ngày 06/02/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Đức T, Dương Thanh T1, mỗi bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù; xử phạt Đặng Xuân H, Hà Thị L, mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù;

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị Minh T1 từ 18 đến 22 tháng tù;

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; tịch thu tiêu hủy vật chứng; tạm giữ các điện thoại di động của các bị cáo và số tiền 400.000 đồng của bị cáo Trần Thị Minh T2 để đảm bảo thi hành án; trả lại Trần Thị Minh T2 01 túi xách giả da.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Minh T2 tranh luận: nhất trí với tội danh, điều luận cáo trạng tuy tố Trần Thị Minh T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Về mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Trần Thị Minh T2 là quá nặng, vì bị cáo chưa nhận thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm do bị rủ rê. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu được, Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; đó là:... c) MDMA ...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[3] Bản cáo trạng số 53/CT-VKSTPTN ngày 06/02/2020 VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo:

[6] Bị cáo Dương Thanh T1 và Phạm Đức T là người khởi xướng việc góp tiền để mua ma túy về sử dụng; T là người trực tiếp cầm tiền đi mua ma túy, Dương Thanh T1 là người thuê phòng, mục đích để các bị cáo sử dụng ma túy. T và Dương Thanh T1 phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Các bị cáo Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng, tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm.

Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[7] Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình, xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo Phạm Đức T, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2 có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Trần Thị Minh T2 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập, mục đích mua ma túy để sử dụng, bị cáo Trần Thị Minh T2 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng: cần tịch thu, tiêu hủy số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong ký hiệu T3, T4. Đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo và số tiền 400.000 đồng thu giữ của Trần Thị Minh T2, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại Trần Thị Minh T2 01 túi xách giả da.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người đại diện, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Phạm Đức T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, 01/12/2019.

- Xử phạt Dương Thanh T1 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, 01/12/2019.

- Xử phạt Đặng Xuân H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, 01/12/2019.

- Xử phạt Hà Thị L 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, 01/12/2019.

2/ Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Trần Thị Minh T2 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, 01/12/2019.

3/ Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam các bị cáo Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T1, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4/ Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

5/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng:

5.1. Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu T4 bên trong chứa 02 viên ma túy, mặt sau có chữ ký của Liễu Văn Thảo, Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Trần T.M T2, Hà Thị L, Đặng Xuân H, Nguyễn Bá Sơn, Lê Văn Sơn, Đỗ Trường Giang, Bùi Thị Tuất cùng 03 dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thái Nguyên; 01 bì niêm phong ký hiệu T3 bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói mẫu, mặt sau có chữ ký của Ma Đình Gân, Trần Đức Thủy, cùng 02 dấu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên.

5.2. Tạm giữ số tiền 400.000 đồng của bị cáo Trần Thị Minh T2 và các điện thoại di động của các bị cáo để đảm bảo thi hành án, gồm:

- 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352174090018604/01, số IMEI 2: 352175090018601/01 (thu giữ của Phạm Đức T);

- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354205102944144, số IMEI 2: 354205103944143; 01 điện thoại di động OPPO màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863091034392055, số IMEI 2: 863091034392048, màn hình vỡ nát (thu giữ của Dương Thanh T1);

- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353690082491706, số IMEI 2: 353690082491714; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353387/04/381107/8 (thu giữ của Đặng Xuân H);

- 01 điện thoại di động IPHONE vỏ màu hồng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353316079019348 (thu giữ của Hà Thị L).

5.3. Trả lại Trần Thị Thanh T2 01 túi xách giả da màu đen.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 191 ngày 10/3/2020, giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; số tiền 400.000 đồng theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 13 ngày 10/3/2020, giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên.

6/Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: buộc bị cáo Phạm Đức T, Dương Thanh T1, Đặng Xuân H, Hà Thị L, Trần Thị Minh T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý Sửu